TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2024/QĐST-DS	*Q, ngày 24 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 97/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- NgU đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Vũ Quỳnh – ChU viên cao cấp Phòng tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số 4263/2023/GUQ-TGĐ12 ngày 18/5/2023.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn S sinh, năm 1974 và vợ Nguyễn Thị U, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: TDP Ngô Sài, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tạ Văn S, sinh năm 1974

+ Bà Nuyễn Thị U, sinh năm 1981.

+ Cụ Ngô Thị Thịnh, sinh năm 1935 (mẹ ông S).

+ Cháu Tạ Thị Khánh Linh, sinh năm 2005 (con ông S – bà U).

+ Cháu Tạ Thị Thủy, sinh năm 2009 (con ông S – bà U).

+ Cháu Tạ Thị Diễm Châu, sinh năm 2019 (con ông S – bà U).

Cùng địa chỉ: TDP Ngô Sài, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Tạ Văn S – bà Nguyễn Thị U và Ngân hàng TMCP V xác nhận tạm tính đến ngày 13/6/2024, ông S – bà U còn nợ ngân hàng số tiền 581.121.681đ (Năm trăm tám mươi mốt triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn S trăm tám mươi mốt đồng) theo Hợp đồng cho vay số 01 TTH/2019/HĐCV ngày 03/012019 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 số 01/01 TTH/2019/GNN ngày 05/01/2019. Cụ thể:

+ Nợ gốc: 353.175.821đ (Ba trăm năm mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 203.528.999đ (Hai trăm linh ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 24.416.861đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười S nghìn tám trăm S mươi mốt đồng).

2.2. Kể từ ngày 14/6/2024, ông S – bà U vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 01TTH/2019/HĐCV ngày 03/012019 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 số 01/01 TTH/2019/GNN ngày 05/01/2019 cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông S – bà U phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2.3. Ông S và bà U cam kết chậm nhất đến ngày 30/9/2024, ông bà có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền 581.121.681đ (Năm trăm tám mươi mốt triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn S trăm tám mươi mốt đồng)

như nêu trên và tiền lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc còn lại như nêu tại mục 2.2.

2.4. Trường hợp đến thời hạn thỏa thuận là ngày 30/9/2024, nếu ông S và bà U không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 00069.2019/HĐTC; quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2019 do Văn phòng công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội công chứng, để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất thửa đất: 26, tờ bản đồ số: 38, tại địa chỉ: Tổ dân phố Ngô Sài, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 773556, vào sổ cấp GCN số: CH 02713 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/8/2016 cho hộ ông Tạ Văn Thanh. Ngày 16/8/2018 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Q xác nhận đã tặng cho toàn bộ thửa đất cho ông Tạ Văn S. Tài sản bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Q ngày 04/01/2019.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông S – bà U vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng TMCP V.

2.5. Về án phí: Ông S – bà U tự nguyện chịu 13.622.000đ (Mười ba triệu S trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0020022 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../2024/QĐ-SCBSQĐ	*Q, ngày 15 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do sơ suất trong quá trình đánh máy trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- NgU đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB). Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc Linh – ChU viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Giấy ủy quyền số 620/2023/UQ-NCB 01 ngày 11/9/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Tiến Luyện và vợ Bùi Thị Thắng cùng các con Nguyễn Tiến NgU, Nguyễn Thị Mỹ DU. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 8, thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Q, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội như sau:

Tại dòng thứ 7 từ dưới lên, trang 3 của quyết định đã ghi: *"30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội."*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: *"30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Mậu - bà Loan còn phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân"*.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).

(3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể "lỗi rõ ràng về chính tả", "nhầm lẫn về số liệu" hoặc "tính toán sai".

(4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).

(5) Ghi tên Toà án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Trích lại ngU văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.

(8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.

(9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tU bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án